

Bản án số: 43 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v “ Không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Văn Hải
- Ông: Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến K - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: TDP T, phường H, tx. N, Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày như sau: Chị và anh K có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, sau đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn hay không thì chị không nhớ. Chị đã đến UBND phường H để xác minh về việc có đăng ký kết hôn hay không thì UBND phường có công văn trả lời qua xác minh từ năm 2005 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Tiến K. Hiện nay, phường H cũng không có sổ

lưu đăng ký kết hôn của chị và anh **K**. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng chị thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân hoàn toàn từ năm 2002 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh **K**.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Tiến K có quan điểm như sau: Anh và chị **M** tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 1993. Sau đó vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không thì anh không nhớ. Nhưng anh chị đã chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2002 thì ly thân. Sau khi cưới vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị **M**.

Về con chung: Chị và anh **K** có 02 con chung là **Nguyễn Thị T** – Sinh ngày: 04/5/1995 và **Nguyễn Minh A** - sinh ngày: 03/5/1998. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Tiến K**. Về con chung: Các cháu đã lớn và trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc chị **M** phải nộp án phí dân sự về việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị M** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và anh **K** là tranh chấp theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn **thị xã N** nên TAND Thị xã

Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nhưng các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt chị **M** và anh **K**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai cả chị **M** và anh **K** đều trình bày vợ chồng anh chị có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, sau đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn hay không thì anh chị đều không nhớ. Cả chị **M** và anh **K** đều thừa nhận quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh **K** không có quan hệ vợ chồng.

Qua xác minh tại UBND phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa và Phòng tư pháp UBND thị xã N cho biết, qua rà soát hồ sơ lưu trữ từ năm 2005 đến nay tại UBND phường H và UBND thị xã N không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Tiến K và bà Nguyễn Thị M. Đối với thời gian từ năm 2005 trở về trước thì không có hồ sơ lưu.

Qua lời khai của các đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác định không có các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc anh **K** và chị **M** có đăng ký kết hôn tại UBND xã hải T, huyện T là phường H, thị xã N, Thanh Hóa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: Chị **M** và anh **K** có 02 con chung là Nguyễn Thị T – Sinh ngày: 04/5/1995 và Nguyễn Minh A - sinh ngày: 03/5/1998. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị **M** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS ; Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tiến K

2. Về con chung: Chị M và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị T – Sinh ngày: 04/5/1995 và Nguyễn Minh A - sinh ngày: 03/5/1998. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007152, ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị M đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Thanh, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc

